TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST.
Ngày 17/5/2021.
"Về việc ly hôn, tranh chấp vê nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Cư Jút mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An. (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979
Địa chỉ: Cụm B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Nguyễn Phát Đ, sinh năm 2011.
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp cho cháu Đ: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M trình bày: Vào năm 2009, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn C tự nguyên yêu nhau và đi đến với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Chị M và anh C sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh C không lo làm ăn, nên hai người mâu thuẫn . Đến

tháng 02/2012 anh Nguyễn Văn C bỏ nhà đi biệt tích, không có tin tức gì, chị M tìm kiếm khắp nơi nhưng cũng không có tin tức gì, hai bên nội ngoại cũng không có tin tức. Tháng 03/2020 chị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tuyên bố anh C mất tích. Ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tuyên bố anh C mất tích. Ngày 01/12/2020 chị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết được ly hôn với anh C. Trong thời gian chị M và anh C chung sống có 01 con chung là Nguyễn Phát Đ, sinh năm 2011, hiện nay con chung đang ở với chị M, nguyện vọng chị M xin nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với anh C , sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh C đến tòa án làm việc nhiều lần và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng của Tòa án được niêm yết theo quy định của pháp luật nhưng anh C vẫn không đến Tòa án làm việc. Qua xác minh tại Công an xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông cho biết anh C không có mặt tại địa phương từ năm 2012 cho đến nay và cũng không có tin tức gì. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn chưa chấp hành các thông báo của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M xin được ly hôn với anh C; Về con chung: Chị M được nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] . Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị M cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An; bị đơn anh Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại Cụm B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Chị M xin được ly hôn với anh C và xin được nuôi con chung, vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn và xin được nuôi con chung của chị M, HĐXX thấy rằng chị M và anh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Chị M và anh C sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân hai người không hợp nhau, đến năm 2012 anh C bỏ đi cho đến nay, chị M đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì, do vậy chị M yêu cầu Tòa án tuyên bố anh C mất tích, ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tuyên bố anh C mất tích và cho đến nay anh C vẫn chưa về. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ và hợp pháp nên cần chấp nhận.

Xét yêu cầu chị M về nuôi con chung, HĐXX xử thấy rằng hiện nay con chung là Nguyễn Phát Đ, sinh năm 2011 đang ở với chị M, nguyện vọng của cháu Đ xin được ở với mẹ. Do vậy, xét thấy yêu cầu của chị M được nuôi con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ, cần chấp nhận.

Giao con chung là Nguyễn Phát Đ, sinh năm 2011 cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án, phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M đối với anh Nguyễn Văn C.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phát Đ, sinh năm 2011 cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003182 ngày 30/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Lan

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút;*
- *CCTHADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã E;*
- *Lưu hồ sơ.*